

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1768/QĐ- BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Để cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm suy dinh dưỡng thấp còi, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động; Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

** Mục tiêu 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.*

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 20,0%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 5%.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ học đường từ trên 5-16 tuổi sinh sống tại huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 20,0%.

- Giảm tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 20% và dưới 30%.

- Giảm tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động xuống dưới 60% và dưới 70%.

** Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động..*

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

** Mục tiêu 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn động.*

Các chỉ tiêu đến năm 2025:

- Tăng tỷ lệ trẻ em từ 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động ăn bổ sung đúng, đủ lên 50%.

- Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động đạt trên 80%.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ trực tiếp:

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn động.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.

2. Phạm vi: 10 huyện, thành phố, trọng tâm là huyện nghèo Sơn Động.

3. Thời gian: Giai đoạn 2021 - 2025.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi

1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi. Triển khai các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời: Bổ sung viên sắt/đa vi chất cho phụ nữ mang thai, bà mẹ sinh con trong tháng đầu; hướng dẫn thực hành cho trẻ bú mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu

sau sinh, bú mẹ hoàn toàn trong sáu tháng đầu, bú kéo dài 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn; cho trẻ ăn thức ăn bổ sung đa dạng và phù hợp với nhóm tuổi.

1.2. Cung cấp viên sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai.

1.3. Bổ sung vitamin A cho toàn bộ trẻ từ 6-60 tháng tuổi 02 đợt/năm; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 01 tháng sau sinh.

1.4. Bổ sung kẽm cho trẻ em bị tiêu chảy cấp với liều bổ sung:

+ Trẻ dưới 06 tháng: 10 mg/ngày x 14 ngày

+ Trẻ trên 06 tháng: 20 mg/ngày x 14 ngày

1.5. Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi bổ sung vào bữa ăn của trẻ (bột đa vi chất, sữa dinh dưỡng...). Kết hợp tư vấn, hướng dẫn sử dụng tại hộ gia đình. Theo dõi, giám sát và báo cáo theo quy định.

- Cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) bị suy dinh dưỡng: Các trường tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ để phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, lập danh sách, tiếp nhận sản phẩm dinh dưỡng và cấp phát theo đợt. Tổ chức sử dụng sản phẩm dinh dưỡng tại trường, có theo dõi giám sát, báo cáo theo quy định.

1.6. Phát hiện, quản lý, điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0-72 tháng tuổi tại cộng đồng; điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại bệnh viện.

1.7. Tẩy giun định kỳ cho trẻ từ 24-60 tháng và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai 02 lần/năm.

1.8. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em. Có kế hoạch sử dụng nguồn sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

1.9. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung hợp lý thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn, bản.

1.10. Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học. Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh trong các nhà trường.

1.11. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch (cân, đo nhân trắc, phỏng vấn chế độ ăn...).

1.12. Cung cấp thiết bị (cân, thước đo, biểu đồ tăng trưởng), tài liệu truyền thông cho y tế cơ sở để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng.

1.13. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

- Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến xã và thôn bản về hướng dẫn triển khai và các kỹ thuật chuyên môn triển khai hoạt động về dinh dưỡng.

- Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tại các tuyến về hướng dẫn hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

2. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông: Truyền thông đại chúng, loa đài, tờ rơi, pano, băng ron... Nội dung truyền thông về dinh dưỡng hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng; chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời; phòng chống giun sán...

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em cấp huyện, xã, thôn, bản.

- Tổ chức các buổi truyền thông tại cộng đồng trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng...

- Tăng cường truyền thông các thông điệp về chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú, trẻ nhỏ, tập trung vào các nội dung chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời trên hệ thống truyền thanh xã, phường, thôn, bản. Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua các buổi hướng dẫn thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Tăng cường truyền thông về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực; phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng ở lứa tuổi vị thành niên, đặc biệt là thiếu sắt ở trẻ em gái vị thành niên tại cộng đồng và trong các trường học.

3. Hoạt động đào tạo, tập huấn

- Tập huấn kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện, xã, thôn, bản.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức cho cán bộ mạng lưới chương trình dinh dưỡng tuyến huyện, xã, cộng tác viên dinh dưỡng, nhân viên y tế thôn bản; cán bộ y tế trường học, giáo viên và cán bộ làm công tác dinh dưỡng các trường học về dinh dưỡng hợp lý, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, cải thiện chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em 0-16 tuổi và dinh dưỡng học đường.

4. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hàng năm.

- Lập kế hoạch thu thập thông tin để khảo sát, đánh giá (*phụ lục 01*); tổ chức giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hàng năm.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động (*phụ lục 2*) cho Sở Y tế, Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Sử dụng nguồn kinh phí được phê duyệt theo Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng nghiệp vụ Y, Sở Y tế

Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả triển khai Chương trình về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế

Phân bổ kinh phí của Chương trình (nếu có), lồng ghép kinh phí các chương trình, dự án, đề án để triển khai các nội dung hoạt động của Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị sử dụng kinh phí hiệu quả.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Đầu mối phối hợp với các đơn vị triển khai, thực hiện các hoạt động chuyên môn theo nội dung kế hoạch; giám sát, hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch của toàn tỉnh về Sở Y tế trước ngày 30/11 hàng năm.

4. Trung tâm Y tế các huyện, thành phố

- Căn cứ các nội dung Kế hoạch của ngành, theo chức năng nhiệm vụ tổ chức xây dựng kế hoạch thu thập thông tin đầu vào; triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức đánh giá kết quả hàng năm theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trạm y tế trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện, thành phố về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm.

5. Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi

- Tổ chức các hoạt động khám, tư vấn chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu

đòi hỏi với phụ nữ có thai đến khám, phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế.

- Quản lý, điều trị những trường hợp trẻ suy dinh dưỡng cấp tính nặng; tăng cường công tác tư vấn cho cha/mẹ cách chăm sóc dinh dưỡng khi trẻ ốm.

- Báo cáo kết quả triển khai về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước ngày 20/11 hàng năm.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Viện Dinh dưỡng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 1
CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI THIỆN DINH DƯỠNG

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
Mục tiêu cụ thể 1	Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động	% SDD thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	< 20,0%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện, thành phố	Trung tâm KSBT
		% SDD gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	< 5%	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo chiều cao (suy dinh dưỡng gầy còm): Là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có cân nặng theo chiều cao thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện, thành phố	Trung tâm KSBT
		% SDD thấp còi ở trẻ học đường 5-16 tuổi	< 20,0%	Tỷ lệ trẻ học đường 5-16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng thấp còi): Là tỷ lệ phần trăm trẻ em 5-16 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo so với tổng số trẻ em 5-16 tuổi được đo	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện, thành phố	Trung tâm KSBT
Mục tiêu cụ thể 2	Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.	% trẻ em dưới 16 tuổi SDD được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng	> 80%	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng trên tổng số trẻ SDD cùng đối tượng quản lý	Báo cáo hàng năm	TTYT huyện, thành phố	Trung tâm KSBT
		% phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	> 80%	Tỷ lệ phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh trên tổng số phụ nữ mang thai cùng đối tượng quản lý.	Báo cáo hàng năm	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT

TT	Nội dung	Chỉ số đo lường	Mục tiêu chung của chương trình đến năm 2025	Khái niệm	Nguồn số liệu	Đơn vị chịu trách nhiệm	Đơn vị phối hợp
		% thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai	< 20% và <30%	Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động trên tổng số đối tượng quản lý.	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	Trung tâm KSBT
		% thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ mang thai.	< 60% và <70%	Tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động trên tổng số đối tượng quản lý.	Đánh giá cuối kỳ	Viện Dinh dưỡng	Trung tâm KSBT
Mục tiêu cụ thể 3	Bảo đảm ứng phó về phòng, chống SDD trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.	% trẻ em 6-23 tháng tuổi ăn bổ sung đúng, đủ	Đạt 50%	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được ăn đa dạng (bằng hoặc nhiều hơn 5/8 nhóm thực phẩm theo WHO) và ăn đủ bữa trong độ tuổi của trẻ trong ngày hôm trước trên tổng số trẻ 6-23 tuổi quản lý.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT
		% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp	> 80%	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.	Điều tra giám sát dinh dưỡng hàng năm.	TTYT huyện Sơn Động	Trung tâm KSBT

Phụ lục 02

Đơn vị:.....

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng thuộc Tiểu dự án 2- Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

STT	Loại hoạt động (theo nội dung hồ sơ của Tiểu dự án)	Nội dung các nội dung hỗ trợ theo từng hoạt động của Tiểu dự án	Cấp thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó			Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống SDD, thiếu VCDD cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại ven biển và hải đảo						Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu VCDD; bảo vệ chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi)				Kết quả thực hiện					
					NSTW	NSDP	Huy động			Số trẻ dưới 5 tuổi được bổ sung da vi chất dinh dưỡng	Trong đó số trẻ em gái	Số phụ nữ có thai được bổ sung da vi chất dinh dưỡng	Số bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai được tư vấn dinh dưỡng	Số trẻ được theo dõi và quản lý SDD cấp tính tại CD	Trong đó số trẻ em gái	Số trẻ được tư vấn dinh dưỡng	Trong đó số Trẻ em gái	Số trẻ SDD được bổ sung da VCDD	Trong đó số trẻ em gái	Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thấp còi		Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 tuổi thể gầy còm		Tỷ lệ SDD trẻ từ trên 5 tuổi đến dưới 16 tuổi thể thấp còi	
																				Cuối kỳ	Chênh lệch với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh lệch với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))	Cuối kỳ	Chênh lệch với đầu kỳ (tăng (+), giảm (-))
A	B	C	E	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
TỔNG CỘNG																									

Lưu ý:

- Biểu mẫu này do cấp xã lập trên cơ sở thông tin từ các hoạt động hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng
- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và thêm dòng "tổng cộng" toàn huyện
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh

..... Ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)